

Sử dụng ‘*E-Portfolio*’ trên trang Google Sites để giúp sinh viên phát triển tính tự chủ trong học chế tín chỉ

Using ‘*E-portfolio*’ on Google Sites to help Students develop their autonomy in the credit-based training system

Phan Thị Thu Nga^{1*}, Lê Phương Thảo¹, Đoàn Kim Khoa¹

¹Trường Đại học Mở Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

*Tác giả liên hệ, Email: nga.ptt@ou.edu.vn

THÔNG TIN

DOI:10.46223/HCMCOUJS.
soci.vi.13.1.885.2017

Ngày nhận: 13/06/2016

Ngày nhận lại: 29/08/2016

Duyệt đăng: 12/01/2017

Từ khóa:

‘*E-portfolio*’, tính tự chủ, thiện chí làm việc độc lập, năng lực tự học, kỹ năng tin học và kỹ năng chuyên môn

TÓM TẮT

Sử dụng ‘*E-portfolio*’ trên trang Google Sites như công cụ đánh giá quá trình học tập ngoài giờ học trên lớp nhằm giúp sinh viên phát triển tính tự chủ là mục tiêu nghiên cứu chính của nhóm tác giả. 101 sinh viên tham gia khóa học Phương pháp kiểm tra đánh giá tiếng Anh vào học kỳ hè năm 2015 và được chia thành 25 nhóm nhỏ tham gia tạo ‘*E-portfolio*’. Trong khóa học này, sinh viên phải soạn năm bài kiểm tra tiếng Anh đưa lên ‘*E-portfolio*’ sau khi học xong lý thuyết trên lớp. Công cụ thu thập dữ liệu bao gồm một bảng khảo sát có 30 tiêu chí nhằm tìm hiểu lợi ích của ‘*E-portfolio*’ và sinh viên tự đánh thiện chí làm việc độc lập của họ. Kết quả phân tích cho thấy ‘*E-portfolio*’ đã giúp sinh viên nâng cao một số phẩm chất cá nhân, nâng cao kiến thức chuyên môn và kỹ năng soạn bài thi tiếng Anh. Đặc biệt là ‘*E-portfolio*’ đã giúp sinh viên phát triển tính tự chủ thể hiện ở ý thức trách nhiệm và động lực. Kết quả đánh giá khả năng tự học của sinh viên dựa trên sản phẩm được lưu trên Google Sites cho thấy kỹ năng tạo ‘*E-portfolio*’ chỉ đạt mức trung bình khá và kỹ năng soạn bài kiểm tra đạt mức khá. Nhóm tác giả đề nghị giảng viên phụ trách môn học tiếp tục hình thức đánh giá này cho các khóa học tiếp theo và cần tìm giải pháp giúp các em cải thiện sự tự tin khi tự học ngoài giờ học chính khóa.

ABSTRACT

The application of ‘*E-portfolio*’ on Google Sites as a tool for continuous assessment of students’ learning process to help them develop their autonomy is the main aim of the authors. 101 students (in 25 groups) took part in the testing and assessment method in the summer term of the academic year 2015-2016. First, students were asked to create their group web, ‘*E-portfolio*’

on Google Sites. Then they had to post each of their products (an English test) after attending a lecture on each topic. By the end of the course, they finished five tests and posted them in their 'E-portfolio'. The questionnaire (including 30 items) was used to investigate the benefits of 'E-portfolio', and students' independence of learning. The analysis of the questionnaire showed that students obtained a lot of benefits such as improving some personal qualities of an English teacher, deepening professional knowledge and developing their ability to design English tests. Especially, students highly evaluated their responsibility and motivation during the time they worked with their 'E-portfolio'. The findings from two lecturers' evaluations indicate that students were very successful in constructing their own tests of English although their ability to create 'E-portfolio' was not high. These authors strongly recommend the use of 'E-portfolio' as an assessment tool in the coming years, and the lecturer should find some solutions to help students to improve their self-confidence when studying independently.

Keywords:

E-portfolio, autonomy, willingness to work independently, ability to study independently, computer skills and professional skills

1. Đặt vấn đề

Người sử dụng mạng Internet tại Việt Nam cũng như trên toàn thế giới không còn xa lạ với Google và các tiện ích khác nhau như hộp thư điện tử, lịch làm việc, ổ đĩa điện tử, tạo trang web, etc... Google Sites là ứng dụng trực tuyến giúp tạo trang web nhóm dễ dàng như chỉnh sửa tài liệu. Với Google Sites, người sử dụng có thể thu thập nhanh chóng nhiều loại thông tin như video, lịch, bản trình bày, tệp đính kèm và văn bản trong cùng một vị trí; đồng thời dễ dàng chia sẻ những thông tin này để xem hoặc chỉnh sửa với nhóm nhỏ. Google Sites có nhiều tính năng hữu ích. Một trong những tính năng quan trọng là tạo trang web, và khi tạo trang người sử dụng có thể tùy chỉnh giao diện và tạo trang phụ mới bằng cách nhấp vào nút. Một tính năng nữa là người sử dụng có thể chọn các loại trang khác nhau, chẳng hạn như trang web, thông báo, trang tổng quan và danh sách. Hơn nữa, Google Sites là nơi thông tin có thể được tập trung lại để chia sẻ như: nhúng nội dung đa phương tiện (video, tài liệu, bảng tính, bản trình bày, trình chiếu ảnh Picasa, tiện ích iGoogle) vào bất kỳ trang nào và tải lên tệp đính kèm. Ngoài ra, quản lý cài đặt cấp phép để đặt trang web ở chế độ riêng tư hoặc mọi người có thể chỉnh sửa và xem được tùy theo mong muốn của mỗi cá nhân. Bằng công nghệ tìm kiếm của Google, người sử dụng có thể tìm kiếm trong nội dung của nhiều người trên Google Sites.

Nhiều trường đại học (ĐH) và giảng viên tại Việt Nam đã sử dụng Google Sites để tạo trang web. D. T. M. Tran (2013) đề xuất thiết kế 'E-portfolio' trên Google Sites khi dạy học phần Văn học Anh-Mỹ với ba mục tiêu chính là: (a) bổ sung kiến thức bản thân về nội dung và phương pháp dạy học môn Văn học Anh-Mỹ; (b) chia sẻ với sinh viên tài nguyên liên quan đến môn học; và (c) giúp sinh viên thực hiện tốt hơn nhiệm vụ của môn học. Barrett (2011) đề nghị sử dụng Google Sites để tạo 'E-portfolio' trong học và dạy tiếng Anh nhờ vào những ưu điểm như: (1) Google là một hệ thống thân thiện với người sử dụng; (2) người tạo 'E-portfolio' được

quyền sở hữu nó; (3) tất cả các loại ‘*E-portfolio*’ đều có thể được tạo trên Google Sites; và (4) ứng dụng này của Google cho phép người sử dụng tương tác với các trang web khác. Tại Việt Nam, mặc dù việc ứng dụng công nghệ trong giảng dạy tiếng Anh không phải là một vấn đề mới, đặc biệt là ứng dụng trực tuyến của Google, tuy nhiên chưa có nhiều nghiên cứu về ứng dụng của Google Sites để tạo ‘*E-portfolio*’ sử dụng như một công cụ để đánh giá kết quả học tập trong giảng dạy tiếng Anh.

Từ khi học chế tín chỉ được áp dụng tại các trường ĐH trên toàn lãnh thổ Việt Nam nói chung và tại Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh nói riêng, quyền tự chủ của sinh viên được phát huy tối đa, nghĩa là tăng cường thời gian học tập và nghiên cứu của sinh viên ngoài giờ học trên lớp. Tuy nhiên làm thế nào để giảng viên theo dõi và đánh giá kết quả học tập của sinh viên ngoài giờ lên lớp vẫn còn là một câu hỏi. Hơn nữa, theo quy chế 43 về học chế tín chỉ do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành từ năm 2007, làm thế nào để đánh giá kết quả tự học của sinh viên chưa được đề cập đến. Từ thực tế này và với những tính năng nổi trội của Google Sites đã tạo động lực cho nhóm tác giả thực hiện nghiên cứu về ứng dụng của ‘*E-portfolio*’ trên Google Sites như một công cụ đánh giá quá trình tự học của sinh viên nhằm giúp các em phát triển tính tự chủ khi học môn Phương pháp kiểm tra và đánh giá năng lực và kỹ năng tiếng Anh.

2. Cơ sở lý luận

Định nghĩa E-portfolio

‘*E-portfolio*’ (hay electronic portfolio) là một bộ sưu tập những dữ liệu đã được số hóa bao gồm các minh họa, tài liệu sưu tầm, và những sản phẩm do một cá nhân, nhóm, hay tổ chức làm ra và bộ sưu tập này được trình bày dưới dạng văn bản, biểu đồ hoặc các tài liệu đa phương tiện và được vận hành trên nền Web hoặc trên các thiết bị điện tử khác như CD-ROM hay DVD (Lorenzo & Ittelson, 2005). ‘*E-portfolio*’ có nhiều ưu điểm như: (a) người học hay tác giả của ‘*E-portfolio*’ và người xem hay tương tác với ‘*E-portfolio*’ có thể trao đổi ý kiến và nhận xét; (b) sự suy ngẫm của người học đối với sản phẩm của mình làm ra hay công việc đã thực hiện giúp người học có được kinh nghiệm học tập hữu ích (Greenberg, 2004). Theo Lorenzo và Ittelson (2005) trong lĩnh vực giáo dục, có ba loại ‘*E-portfolio*’; tuy nhiên, trong phạm vi bài viết này nhóm tác giả chỉ đề cập đến loại ‘*E-portfolio*’ dành cho người học với hai mục đích chính là đánh giá quá trình học và phát triển nghề nghiệp. Khi được sử dụng như một công cụ để đánh giá kết quả học tập, ‘*E-portfolio*’ phải đảm bảo các điều kiện như sau: (i) ‘*E-portfolio*’ phải có mục đích rõ ràng; (ii) sinh viên phải là người quyết định nội dung và hình thức (màu nền, kiểu chữ); (iii) yếu tố tương tác; và (iv) sinh viên phải là người tham gia vào quá trình thực hiện (Carney, 2004 as cited in Barret, 2005).

Các định nghĩa về tự chủ

Tự học hay tính tự chủ của người học là một khái niệm khó định nghĩa bởi vì nó có thể xảy ra ở nhiều hình thức khác nhau đối với từng cá nhân khác nhau; do đó, có nhiều định nghĩa khác nhau. Thornbury (2006, p. 22) định nghĩa tự chủ (*autonomy*) là *khả năng chịu trách nhiệm và kiểm soát việc học của bạn trong trường học hay tại một cơ sở giáo dục hoặc trong bối cảnh hoàn toàn không phụ thuộc vào người dạy hay một cơ quan quản lý giáo dục; và tự chủ đồng nghĩa với tự học (self-directed learning)*. Xét theo nghĩa rộng, tự chủ hay tự học mô tả một quá trình trong đó người học có hoặc không có sự hỗ trợ của người khác, tự khởi xướng quá trình

học trong việc dự đoán nhu cầu, xây dựng mục tiêu, xác định nguồn nhân lực và nguồn tài liệu cần thiết cho quá trình học, chọn và ứng dụng những phương pháp học cũng như phương pháp đánh giá kết quả học tập phù hợp (Cavana & Lusia, 2012).

Benson (2006) đã trích dẫn nhiều định nghĩa khác nhau về tự chủ như sau: (i) tự chủ là khả năng đảm trách việc học của riêng mình (Holec, 1981); (ii) tự chủ là một tình huống mà người học hoàn toàn chịu trách nhiệm đối với những quyết định có liên quan đến việc học của anh/chị ta và việc thực thi những quyết định đó (Dickinson, 1987); và tự chủ là yếu tố tâm lý về mối liên hệ giữa quá trình và nội dung học (Little, 1991). Ngoài ra, theo Benson (2006), tự chủ là quyền tự do của người học trong các hệ thống giáo dục khác nhau.

Người tự chủ trong học tập (autonomous learners)

Người tự chủ trong học tập sở hữu cả thiện chí và khả năng làm việc một cách độc lập. William (1997, p. 82), Macaskill và Taylor (2010) và Moore (2008) cho rằng thiện chí làm việc độc lập của người học phụ thuộc vào một số phẩm chất cá nhân như động lực, ý thức trách nhiệm, sự tự tin và sự cởi mở khi tiếp nhận kiến thức hay phương pháp học mới. Ngoài ra, trình độ kiến thức và kỹ năng của người học cũng ảnh hưởng tích cực đến khả năng làm việc độc lập của họ và khả năng này bao gồm nhiều kỹ năng khác nhau như: kỹ năng học thuật, kỹ năng tư duy, kỹ năng giao tiếp và các kỹ năng cá nhân. Reinders và Balcikanli (2011) đề nghị người tự chủ trong học tập phải trải qua nhiều giai đoạn khác nhau như: xác định nhu cầu, xây dựng mục tiêu, lập kế hoạch, chọn tài liệu, chọn phương pháp, thực hành, theo dõi sự tiến bộ, tự đánh giá và ôn tập. Một trong những giai đoạn này là lập kế hoạch học và người tự học tốt phải biết sắp xếp thời gian, quản lý việc học của mình; điều này tương đồng với quan điểm của Ivan Moore, người tự chủ trong học tập phải biết quản lý việc học của họ để chứng minh rằng mình là người có trách nhiệm cho việc học của riêng mình. Trách nhiệm của người học cũng thể hiện qua thói quen làm việc độc lập và những thói quen này bao gồm khả năng quản lý thời gian hiệu quả và thái độ khi làm việc độc lập (Macaskill & Taylor, 2011).

Mối quan hệ giữa ‘E-portfolio’ và người tự chủ trong học tập

So với các phương pháp đánh giá truyền thống, có nhiều ưu điểm khi sử dụng ‘E-portfolio’ như là một công cụ đánh giá kết quả học tập (Brown, 2004; Richards & Renandya, 2002; Spratt, Pulverness, & Williams, 2011). Ưu điểm thứ nhất, ‘E-portfolio’ tạo cơ hội cho người học tự đánh giá kết quả học tập, và tập trung đánh giá quá trình học và tự đánh giá của sinh viên; do đó họ phải có trách nhiệm trong việc học và tự đánh giá kết quả học tập của mình. Quá trình này giúp sinh viên nâng cao ý thức trách nhiệm, một trong những phẩm chất cá nhân của một người tự chủ trong học tập (Macaskill & Taylor, 2010; Moore, 2008; Reinders & Balcikanli, 2011; William, 1997). Ưu điểm thứ hai, khi làm ‘E-portfolio’, sinh viên chủ động trong việc kiểm soát quá trình học của mình bằng nhiều cách khác nhau như lập kế hoạch, sắp xếp, theo dõi, quan sát, suy ngẫm... và đây là những việc mà người tự chủ phải làm khi trải qua các giai đoạn của quá trình học theo đề nghị của Reinders và Balcikanli (2011). Ưu điểm cuối cùng (theo quan điểm của ba tác giả Paulson, Paulson, & Meyer, 1991), ‘E-portfolio’ nhấn mạnh vai trò của sinh viên, đặc biệt là quá trình thực hiện; họ có cơ hội ngẫm lại quá trình học và cho người khác thấy sự tiến bộ và kết quả học của mình. Kết quả là sinh viên sẽ cảm nhận được thành quả đạt được và điều này giúp họ tạo thêm động lực tiếp tục học và động lực là một

trong những phẩm chất cá nhân giúp sinh viên hình thành thiện chí làm việc độc lập (Macaskill & Taylor, 2010; Moore, 2008; William, 1997).

Các kết quả nghiên cứu trước

Kocoglu (2008) đã kết luận rằng ‘*E-portfolio*’ giúp cho sinh viên bắt kịp những cải tiến về công nghệ trong một thế giới kỹ thuật số hiện nay, và ‘*E-portfolio*’ hỗ trợ họ phát triển chuyên môn nghiệp vụ một cách liên tục, mặc dù sinh viên chưa tin tưởng ‘*E-portfolio*’ có thể là một công cụ quan trọng giúp họ phát triển khả năng tư duy. Akçil và Arap (2009) cho biết có những ý kiến tích cực về việc sử dụng ‘*E-portfolio*’ để giúp sinh viên học tập lâu dài bởi vì ‘*E-portfolio*’ đã giúp họ tự kiểm soát việc học và có thêm động lực để học. Smolyaninova (2010) đã rút ra một số lợi ích của việc sử dụng ‘*E-portfolio*’ như một công cụ đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên như tạo động lực trong việc phát triển nghề nghiệp và nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của quy trình tự đánh giá quá trình học. Cakir và Balcikanli (2012) đã chỉ ra những lợi ích của việc sử dụng ‘*portfolio*’ theo khung tham chiếu châu Âu như phát triển khả năng suy ngẫm, tự đánh giá, nhận thức... và người tự chủ trong học tập luôn cần những kỹ năng này. Theo Hung (2012), ‘*E-portfolio*’ có ảnh hưởng tích cực đối với việc học như xây dựng mô hình học tập cộng đồng, làm cho việc học nhóm dễ dàng hơn, nâng cao khả năng tiếp nhận kiến thức thuộc lĩnh vực chuyên môn, cải thiện kỹ năng chuyên môn và nuôi dưỡng kỹ năng tư duy.

Theo kết luận của Kabilan và Khan (2012), sử dụng ‘*E-portfolio*’ trong đào tạo giáo viên tiếng Anh, giảng viên phải đối phó với một số thách thức bao gồm độ giá trị và độ tin cậy của kết quả do sinh viên tự đánh giá, sự gián đoạn của mạng Internet, thái độ tiêu cực của sinh viên, tốn nhiều thời gian, giảng viên và sinh viên đều làm việc quá tải. Xét về phương diện năng lực giáo viên, quá trình thực hiện ‘*E-portfolio*’ đã mang lại cho những giáo viên tương lai sáu nhóm lợi ích về năng lực: (1) phát triển sự hiểu biết về vai trò của một giáo viên dạy tốt; (2) phát triển khả năng tự thiết kế hoạt động dạy học; (3) cải thiện năng lực ngôn ngữ; (4) hiểu sâu kiến thức chuyên môn; (5) đạt được một số kỹ năng tin học và (6) hiểu được nhu cầu cần thiết phải thay đổi quan điểm trong dạy học (Kabilan & Khan, 2012).

Yastibas và Cepik (2015) cho thấy giảng viên dạy kỹ năng nghe nói và sinh viên đều có thái độ tích cực đối với việc ứng dụng ‘*E-portfolio*’ mặc dù có nhiều thách thức cần phải khắc phục. Wuetherick và Dickinson (2015) đã xác định hai vấn đề lớn cần được quan tâm như: (i) kỹ năng tin học do sự đa dạng về tuổi tác và khác biệt về kiến thức nền tảng của khách thể nghiên cứu; và (ii) sự hỗ trợ cho giảng viên và sinh viên trong việc sử dụng ‘*E-portfolio*’. Hakki và Hergüner (2015) cho rằng sử dụng ‘*E-portfolio*’ theo khung tham chiếu châu Âu rất hữu ích cho sinh viên phát triển các kỹ năng siêu nhận thức, nghĩa là người học có thể xác định được cách học và cần ai hỗ trợ họ trong quá trình học và người tự chủ trong học tập luôn cần những kỹ năng này.

Ở Việt Nam, chưa có nhiều nghiên cứu ứng dụng của ‘*E-portfolio*’, tuy nhiên một số tác giả sau khi nghiên cứu lý luận đã có một số đề xuất. Nhóm tác giả A. H. Tran, Nguyen, Nguyen, Vu, và Vu (2009) đề nghị sử dụng ‘*portfolio*’ trong dạy kỹ năng viết nhờ ba lợi ích nổi bật là: (i) giúp người học phát triển khả năng giao tiếp và hợp tác với đồng môn; (ii) tăng cường tính tự chủ của người học và (iii) thay đổi vai trò của người học theo định hướng lấy

người học làm trung tâm. H. T. Tran (2011) kết luận việc ứng dụng ‘*E-portfolio*’ giúp sinh viên ngoại ngữ nâng cao kỹ năng tin học và ‘*E-portfolio*’ tạo điều kiện thuận lợi cho việc trao đổi, góp ý và đánh giá giữa các sinh viên với nhau và đặc biệt là giữa sinh viên với giảng viên. Theo T. N. M. Tran (2011) (, ‘*E-portfolio*’ là một trong những kỹ thuật đánh giá kết quả học tập của sinh viên trong môi trường trực tuyến và cũng là hình thức kết hợp giữa đánh giá cuối kỳ và đánh giá quá trình; hơn nữa, ‘*E-portfolio*’ cho phép giảng viên đánh giá kỹ năng học thuật cũng như kiến thức chuyên môn của sinh viên.

Như vậy, nhiều chuyên gia đã có những lập luận khá chặt chẽ về mối quan hệ logic giữa người tự chủ trong học tập và hình thức đánh giá kết quả học tập bằng ‘*E-portfolio*’, và một số nghiên cứu của các tác giả trên thế giới cũng đã cho thấy những lợi ích của việc sử dụng ‘*E-portfolio*’ trong việc phát triển tính tự chủ của người học. Từ những lập luận và những kết quả nghiên cứu trên, nhóm tác giả đã thực hiện một nghiên cứu để tìm xem việc sử dụng ‘*E-portfolio*’ có giúp sinh viên ngành giảng dạy tiếng Anh tại Trường ĐH Mở Thành phố Hồ Chí Minh phát triển tính tự chủ hay không. Trong phần tiếp theo của bài viết báo, nhóm tác giả sẽ tìm lời giải đáp cho hai câu hỏi sau:

- Đối với sinh viên tham gia khóa học phương pháp kiểm tra và đánh giá năng lực và kỹ năng tiếng Anh, những lợi ích việc sử dụng ‘*E-portfolio*’ như một công cụ để đánh giá liên tục quá trình học của sinh viên là gì?

- Trong suốt quá trình thực hiện ‘*E-portfolio*’, sinh viên có thể hiện được thiện chí và khả năng làm việc độc lập hay không?

3. Phương pháp nghiên cứu

Bối cảnh và khách thể nghiên cứu

Kết quả nghiên cứu trình bày trong bài viết này được thực hiện vào học kỳ hè (2015) của năm học 2015-2016 trên ba lớp sinh viên năm thứ ba đang học môn Phương pháp kiểm tra và đánh giá năng lực và kỹ năng tiếng Anh. Các lớp học kéo dài trong 11 tuần bởi vì môn học này có ba tín chỉ (45 tiết) và mỗi tuần sinh viên lên lớp bốn tiết. Theo quy định trong đề cương môn học, điểm giữa kỳ chiếm 30% (do giảng viên phụ trách môn học quyết định hình thức kiểm tra) và bài thi viết cuối khóa chiếm 70% (câu hỏi trắc nghiệm và tự luận).

Tổng số sinh viên của ba lớp là 101, và các em tự chia thành 25 nhóm nhỏ để thực hiện ‘*E-portfolio*’ trong suốt khóa học. Số lượng sinh viên giữa các nhóm không đều nhau bởi vì một số lý do cá nhân. Trong khóa học này, quá trình thực hiện ‘*E-portfolio*’ của sinh viên được đánh giá 30% trên tổng số điểm của toàn khóa (thay cho điểm kiểm tra giữa kỳ), trong đó kỹ năng soạn bài kiểm tra đưa vào ‘*E-portfolio*’ chiếm 20% và kỹ năng tạo ‘*E-portfolio*’ trên Google Sites chiếm 10%.

Đối tượng nghiên cứu và công cụ thu thập dữ liệu

Tính tự chủ ở mức độ nhận thức trong quá trình làm ‘*E-portfolio*’ của sinh viên là đối tượng nghiên cứu chính và tính tự chủ được xem xét ở hai yếu tố. *Yếu tố thứ nhất* là thiện chí làm việc độc lập của người tự chủ thể hiện ở một số phẩm chất cá nhân như ý thức trách nhiệm, động lực đặc biệt là nội lực, sự tự tin và sự cởi mở. Thang đo lường thiện chí làm việc độc lập

của sinh viên bao gồm bảng câu hỏi 12 tiêu chí, mỗi tiêu chí được đánh giá ở năm mức (1: thấp nhất và 5: cao nhất). Ngoài ra, sinh viên cũng tự đánh giá mức độ lợi ích ‘*E-portfolio*’ trong việc giúp họ phát triển tính tự chủ. Những lợi ích này được chia thành ba nhóm: (1) đối với cá nhân, (2) kiến thức môn học, và (3) quy trình soạn đề thi tiếng Anh. Thang đo lường lợi ích của ‘*E-portfolio*’ bao gồm 18 tiêu chí, mỗi tiêu chí được đánh giá ở năm mức (1: thấp nhất và 5: cao nhất). Như vậy, yếu tố thứ nhất của người tự chủ trong học tập được đo bằng bảng câu hỏi khảo sát.

Yếu tố thứ hai là khả năng làm việc độc lập và khả năng này bao gồm nhiều kỹ năng khác nhau. Hai kỹ năng chính trong phạm vi nghiên cứu này là kỹ năng biên soạn năm đề thi tiếng Anh (nghe, nói, đọc, viết và văn phạm) và kỹ năng tạo ‘*E-portfolio*’ trên Google Sites. Kỹ năng biên soạn đề thi tiếng Anh được đánh giá theo thang điểm 10 dựa trên các tiêu chí đánh giá một bài thi tiếng Anh như độ tin cậy, độ giá trị, độ xác thực và độ chính xác về mặt ngôn ngữ. Tổng số đề kiểm tra sinh viên làm đưa lên là năm bài, mỗi bài được làm ít nhất hai lần, nghĩa là sau khi làm xong, sinh viên tự đánh giá theo các tiêu chí đã học trong lý thuyết, gửi cho các nhóm bạn khác và giảng viên đánh giá. Sau khi nhận phản hồi từ bạn và giảng viên, sinh viên chỉnh sửa lại và đưa lên ‘*E-portfolio*’. Giảng viên phụ trách môn học chấm sau khi sinh viên hoàn thành mỗi bài và sinh viên cũng mời thêm một giảng viên khác chấm. Kết quả trình bày trong bài viết này dựa trên điểm trung bình cộng của hai giảng viên. Kỹ năng tạo ‘*E-portfolio*’ trên trang Google Sites cũng được đánh giá bởi giảng viên phụ trách khóa học và một giảng viên khác. Thang đo ‘*E-portfolio*’ bao gồm 11 tiêu chí: (1) *trang thông tin cá nhân*, (2) *tài liệu sưu tầm*, (3) *phản hồi nhận xét*, (4) *trích dẫn nguồn tài liệu tham khảo*, (5) *liên kết giữa các trang và đường dẫn liên kết các trang bên ngoài*, (6) *cách trình bày kiểu và kích cỡ chữ, các tiêu đề*, (7) *cách bố trí nội dung*, (8) *nhất quán về kiểu chữ và màu của nền*, (9) *những quy ước chung về văn viết (lỗi chính tả, văn phạm)*, (10) *hình ảnh chèn lên trang* và (11) *tài liệu nghe nhìn*. Mỗi tiêu chí được đánh giá theo bốn mức độ (1: *unsatisfactory*, 2: *emerging*, 3: *proficient* và 4: *exemplary*). Tổng số điểm chấm theo các tiêu chí này là 44 (cao nhất) sau đó giảng viên quy về thang điểm 10 để tính kết quả cho phần kỹ năng tạo ‘*E-portfolio*’.

Quy trình thu thập dữ liệu

Tổng số phiếu khảo sát là 100, được phát ra và thu lại vào buổi học cuối cùng của khóa học. Dữ liệu bài kiểm tra được giảng viên thu thập và chấm lần một sau khi sinh viên hoàn thành mỗi bài kiểm tra và một giảng viên khác chấm lần hai sau khi sinh viên đã thi kết thúc khóa học. Dữ liệu về kỹ năng tạo ‘*E-portfolio*’ do hai giảng viên chấm độc lập sau khi sinh viên đã hoàn thành khóa học.

4. Phân tích và bình luận kết quả

Câu hỏi nghiên cứu thứ nhất: *Đối với sinh viên tham gia khóa học Phương pháp kiểm tra và đánh giá năng lực và kỹ năng tiếng Anh, những lợi ích của sử dụng ‘E-portfolio’ để đánh giá quá trình học tập ngoài giờ lên lớp là gì?*

Số liệu trên Bảng 1 mô tả mức độ ảnh hưởng của ‘*E-portfolio*’ đối với nhận thức cá nhân, và các yếu tố được xếp theo điểm trung bình cộng (TBC) từ thấp nhất (3.66/5) cho đến cao nhất (4.32/5). Ngoài trừ sự tự tin và khả năng tự đánh giá mặt mạnh và yếu, tất cả các lợi ích khác có điểm TBC từ 4.00 đến 4.32/5; có nghĩa là sinh viên đồng ý quá trình học tập ngoài

giờ lên lớp, đặc biệt là thực hiện ‘*E-portfolio*’ đã mang lại cho sinh viên những lợi ích như tự chủ trong học tập, phát triển năng lực cá nhân, có thêm động lực, khách quan khi tự đánh giá, nâng cao tính sáng tạo, tích cực đánh giá đồng môn, phát triển kỹ năng tư duy, hiểu được ý nghĩa của cộng tác trong học tập và nâng cao ý thức trách nhiệm. Những lợi ích này tương đồng với kết quả nghiên cứu của vài tác giả trên thế giới. Ví dụ, theo Young (2002), ‘*E-portfolio*’ giúp các sinh viên chịu trách nhiệm trong quá trình phát triển chuyên môn nghiệp vụ. Kết quả trên cũng tương đồng với kết luận của Akçil và Arap (2009), ‘*E-portfolio*’ giúp cho sinh viên có thêm động lực để học. Tuy nhiên, sinh viên đã không đánh giá cao ‘*E-portfolio*’ trong việc giúp các em nhận biết điểm mạnh và điểm yếu của cá nhân và cải thiện sự tự tin. Điều này hoàn toàn trái ngược với kết quả của Pérez và Lusía (2012) bởi vì theo kết luận của hai tác giả này quá trình thực hiện ‘*portfolio*’ giúp cho sinh viên nâng cao sự tự tin. Sự khác biệt này có thể là do sinh viên gặp nhiều thách thức khi thực hiện ‘*E-portfolio*’ trong khi các sinh viên trong nghiên cứu của Pérez và Lusía (2012) chỉ thực hiện ‘*portfolio*’ theo truyền thống. Mặc dù khác nhau ở bối cảnh nghiên cứu, kết quả khảo sát về lợi ích của ‘*E-portfolio*’ có một số tương đồng với kết quả của A. H. Tran và cộng sự (2009) như giúp người học phát triển khả năng học tập cộng tác với đồng môn và nâng cao tính tự chủ trong học tập xét ở yếu tố thiện chí làm việc độc lập thông qua một vài phẩm chất cá nhân như ý thức trách nhiệm và động lực trong học tập.

Bảng 1

Thông kê mô tả mức độ ảnh hưởng của ‘*E-portfolio*’ đối với nhận thức cá nhân

	N	Minimum	Maximum	Mean		Std. Deviation
	Statistic	Statistic	Statistic	Statistic	Std. Error	Statistic
Cải thiện sự tự tin	100	2.00	5.00	3.6600	.07551	.75505
Nhận ra điểm mạnh và yếu	100	2.00	5.00	3.9400	.07222	.72223
Tự chủ trong học tập	100	2.00	5.00	4.0000	.06816	.68165
Phát triển năng lực cá nhân	100	3.00	5.00	4.0400	.06501	.65010
Có thêm động lực	100	3.00	5.00	4.0700	.06705	.67052
Khách quan khi tự đánh giá	100	2.00	5.00	4.1300	.07870	.78695
Nâng cao tính sáng tạo	100	2.00	5.00	4.1500	.07571	.75712
Tích cực đánh giá đồng môn	100	2.00	5.00	4.1800	.07437	.74373
Phát triển kỹ năng tư duy	100	2.00	5.00	4.2600	.07333	.73333
Hiểu ý nghĩa của cộng tác	100	2.00	5.00	4.3000	.07720	.77198

	N	Minimum	Maximum	Mean		Std. Deviation
	Statistic	Statistic	Statistic	Statistic	Std. Error	Statistic
Ý thức trách nhiệm	100	3.00	5.00	4.3200	.06176	.61759
Valid N (listwise)	100					

Nguồn: Kết quả phân tích dữ liệu của nhóm nghiên cứu

Kết quả mô tả trên Bảng 2 cho thấy sinh viên đồng ý với việc biên soạn các bài thi tiếng Anh đưa lên ‘*E-portfolio*’ đã giúp các em nắm vững và nâng cao kiến thức chuyên môn và đã tạo cơ hội cho các em ứng dụng kiến thức đã học trên lớp vào thực tế (điểm TBC của hai lợi ích này là 4.34 và 4.08/5). Do đó, có thể kết luận rằng các hoạt động tự học của sinh viên ngoài giờ lên lớp đã góp phần giúp sinh viên đạt được mục tiêu thuộc về kiến thức chuyên môn. Mặc dù có sự khác biệt về bối cảnh nghiên cứu, nhưng kết luận này hoàn toàn giống với kết quả nghiên cứu của Yildirim (2013) tại Thổ Nhĩ Kỳ.

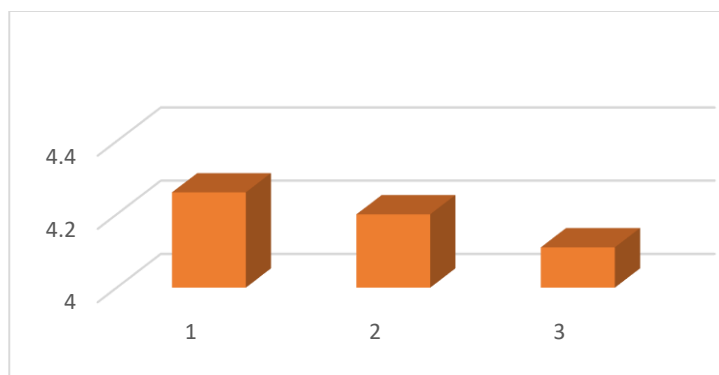
Bảng 2

Thông kê mô tả lợi ích của ‘*E-portfolio*’ đối với kiến thức môn học

	N	Minimum	Maximum	Mean		Std. Deviation
	Statistic	Statistic	Statistic	Statistic	Std. Error	Statistic
Kỹ năng ngôn ngữ	100	2.00	5.00	3.9100	.07667	.76667
Liên kết với kiến thức đã biết	100	2.00	5.00	3.9200	.07342	.73416
Kết nối lý thuyết với thực hành	100	2.00	5.00	4.0800	.06917	.69165
Kiến thức chuyên môn	100	3.00	5.00	4.3400	.06231	.62312
Valid N (listwise)	100					

Nguồn: Kết quả phân tích dữ liệu của nhóm nghiên cứu

Ngoài ra, sinh viên cũng có thái độ tích cực đối với nhóm lợi ích thứ ba tương đồng với mục tiêu về kỹ năng của môn học theo đề cương. Hình 1 cho thấy điểm TBC của các lợi ích này đều cao hơn 4; nghĩa là sinh viên đồng ý với những ảnh hưởng tích cực của ‘*E-portfolio*’ đối với kỹ năng chuyên môn như: quy trình soạn bài thi/kiểm tra tiếng Anh, vai trò và hành vi của giáo viên khi thực hiện công việc này và tự lựa chọn phương pháp và kỹ thuật để xây dựng bài thi/kiểm tra dành riêng cho từng đối tượng học viên khác nhau. Như vậy, ‘*E-portfolio*’ đã giúp cho sinh viên đạt được mục tiêu về kỹ năng chuyên môn sau khi hoàn thành khóa học.



Hình 1. Lợi ích của 'E-portfolio' đối với quy trình soạn bài thi

1. Quy trình soạn bài thi
2. Vai trò và hành vi của giáo viên
3. Tự xây dựng phương pháp kiểm tra đánh giá theo phương pháp dạy

Câu hỏi nghiên cứu thứ hai: trong suốt quá trình thực hiện 'E-portfolio', sinh viên có thể hiện tính tự chủ thông qua thiện chí và khả năng làm việc độc lập hay không?

Bảng 3

Thống kê mô tả thiện chí làm việc độc lập do sinh viên tự đánh giá

	N	Minimum	Maximum	Mean		Std. Deviation
	Statistic	Statistic	Statistic	Statistic	Std. Error	Statistic
Sự tự tin (thích được thách thức)	100	2.00	5.00	3.7700	.08391	.83913
Sự cởi mở (khi tiếp nhận cách học mới)	100	2.00	5.00	3.8300	.07255	.72551
Động lực (thích trải nghiệm mới)	100	2.00	5.00	3.9400	.08741	.87409
Trách nhiệm hoàn thành bài tập dù khó	100	2.00	5.00	4.0500	.07437	.74366
Động lực (hoàn thành sớm hơn quy định)	100	2.00	5.00	4.1200	.08200	.81995
Sự cởi mở (tiếp nhận kiến thức mới)	100	2.00	5.00	4.2100	.06559	.65590
Trách nhiệm (làm bài tập theo yêu cầu)	100	2.00	5.00	4.2800	.06679	.66788
Valid N (listwise)	100					

Nguồn: Kết quả phân tích dữ liệu của nhóm nghiên cứu

Thông tin trên Bảng 3 cho thấy sinh viên đánh giá yếu tố trách nhiệm cao nhất (điểm TBC 4.28/5), sự cởi mở ở chỗ sẵn sàng tiếp nhận kiến thức mới (điểm TBC 4.21/5), động lực

làm bài trước thời gian quy định (điểm TBC 4.12/5) và sự tự tin không được sinh viên đánh giá cao (điểm TBC là 3.77/5). Kết quả tổng hợp ý kiến của sinh viên trong bảng khảo sát cho thấy 78 sinh viên (chiếm tỷ lệ 78%) gặp khó khăn trong quá trình thực hiện ‘*E-portfolio*’, trong đó 62 em (chiếm tỷ lệ 62%) gặp một số trục trặc về mặt kỹ thuật bởi vì đây là lần đầu tiên các em làm ‘*E-portfolio*’ nên chưa nắm vững các thao tác khi tạo trang trên Google Sites và các em cũng chưa hiểu hết các tính năng của Google Sites. Hơn nữa, theo nhóm sinh viên này thì kỹ năng tin học của các em không đều nhau. Khi làm việc theo nhóm, em nào có kỹ năng tin học tốt và có điều kiện tốt hơn (nhà ở Thành phố Hồ Chí Minh và có lắp đặt mạng không dây) sẽ phụ trách phần tạo trang và đưa sản phẩm lên. Đối với những em ở nhà trọ, phải vô trường mới làm việc được. Hơn nữa, vào thời điểm thực hiện nghiên cứu này, sinh viên đang học tại cơ sở Phổ Quang, mạng không dây không đủ mạnh để các em truy cập mạng Internet và cũng không có phòng tự học dành cho sinh viên ngoài giờ học chính thức; do đó, các em có kỹ năng tin học tốt không có thời gian chia sẻ kinh nghiệm hoặc thao tác lại cho các bạn cùng nhóm xem được. Vì thế có thể kết luận rằng, sinh viên chưa thật sự tự tin khi thực hiện ‘*E-portfolio*’ do hạn chế về kỹ năng tin học và do điều kiện học tập ở nhà cũng như ở trường.

Khả năng làm việc độc lập của sinh viên trong phạm vi nghiên cứu này được đánh giá thông qua hai kỹ năng: (1) kỹ năng tạo ‘*E-portfolio*’ trên Google Sites và (2) kỹ năng biên soạn bài thi/kiểm tra tiếng Anh. Theo số liệu thống kê trên Bảng 4, kỹ năng tạo ‘*E-portfolio*’ có điểm TBC là 6.66 /10, trong đó điểm cao nhất 9.50 và thấp nhất 4.15/10 và có 5 nhóm có đạt điểm dưới 5/10. Như vậy, có thể kết luận rằng, nếu xét một tổng thể kỹ năng tin học của sinh viên chưa cao mặc dù có 6 nhóm đạt điểm khá tốt (từ 8.30- 9.50, chiếm tỷ lệ 24%); và kết quả này cũng tương đồng với ý kiến của tác giả Dalton (2007, as cited in Yastibas & Cepik, 2015), kỹ năng tin học là một thách thức đối với sinh viên khi sử dụng ‘*E-portfolio*’. Bảng 4 cũng cho thấy kỹ năng soạn bài thi/kiểm tra tiếng Anh của sinh viên đạt mức khá (có điểm TBC là 7.87/10); do đó, có thể kết luận rằng việc sử dụng ‘*E-portfolio*’ như một công cụ để đánh giá giúp sinh viên đạt được mục tiêu về kỹ năng của môn học.

Bảng 4

Thống kê mô tả khả năng làm việc độc lập của sinh viên do giảng viên đánh giá

	Kỹ năng tạo ‘ <i>E-portfolio</i> ’	Kỹ năng soạn bài thi/kiểm tra tiếng Anh
Valid N	25	25
Missing	0	0
Mean	6.6600	7.8720
Std. Error of Mean	.32815	.14905
Median	6.6500	7.9000
Mode	4.85 ^a	7.90
Std. Deviation	1.64076	.74527

	Kỹ năng tạo ‘E-portfolio’	Kỹ năng soạn bài thi/kiểm tra tiếng Anh
Minimum	4.15	6.00
Maximum	9.50	9.30

Nguồn: Kết quả phân tích dữ liệu của nhóm nghiên cứu

5. Kết luận và đề xuất

Nghiên cứu tìm hiểu ứng dụng của ‘E-portfolio’ trên Google Sites nhằm giúp sinh viên phát triển tính tự chủ của nhóm tác giả đã đạt một số ưu điểm như sau. *Thứ nhất*, ‘E-portfolio’ đã giúp sinh viên phát triển những phẩm chất cá nhân như ý thức trách nhiệm và động lực trong học tập; nâng cao kiến thức chuyên môn và phát triển kỹ năng biên soạn đề thi/kiểm tra tiếng Anh. *Thứ hai*, mặc dù trên thế giới có nhiều nghiên cứu ứng dụng của ‘E-portfolio’ trong đào tạo giáo viên tiếng Anh, nhưng chưa có nhiều nghiên cứu về khả năng tự học của sinh viên; tuy nhiên, trong nghiên cứu này nhóm tác giả đã đánh giá được kỹ năng tạo ‘E-portfolio’ trên Google Sites và kỹ năng biên soạn bài thi/kiểm tra tiếng Anh. *Thứ ba*, nhóm tác giả đã xây dựng được quy trình thực hiện ‘E-portfolio’ và các tiêu chí để giúp sinh viên tự đánh giá và đánh giá cho nhau sản phẩm các em làm ra và quy trình này có thể áp dụng cho sinh viên ngành giảng dạy tiếng Anh tại Trường ĐH Mở Thành phố Hồ Chí Minh mà còn có thể ứng dụng tại các trường ĐH khác nơi có đào tạo giáo viên tiếng Anh.

Mặc dù đạt được mục tiêu đề ra, vẫn còn tồn tại một số hạn chế trong nghiên cứu này. Hạn chế thứ nhất là nguyên nhân sinh viên chưa thật sự tự tin khi thực hiện ‘E-portfolio’ chưa được xem xét ở nhiều khía cạnh. Một hạn chế nữa là tác giả chỉ phân tích kỹ năng tin học và kỹ năng chuyên môn và chưa xem xét nhiều kỹ năng khác của người tự chủ trong học tập. Từ những hạn chế trên, nhóm tác giả có một số đề xuất như sau:

Đối với lãnh đạo Khoa, cần khuyến khích các giảng viên sử dụng ‘E-portfolio’ để theo dõi và đánh giá kết quả tự học của sinh viên ngoài giờ lên lớp. Tuy nhiên, Khoa phải tổ chức một buổi tập huấn cho sinh viên các bước để tạo ‘E-portfolio’ trên Google Sites và mời một chuyên viên kỹ thuật ở trường đến tập huấn cho sinh viên (ít nhất một lần trong một học kỳ). Đối với giảng viên, cần thực hiện nghiên cứu về mối tương quan giữa thiện chí làm việc độc lập và khả năng tự học của sinh viên ở nhiều kỹ năng khác nhau, và các biện pháp giúp sinh viên cải thiện sự tự tin khi thực hiện ‘E-portfolio’ ngoài giờ học chính khóa.

Tài liệu tham khảo

- Akçıl, U., & Arap, I. (2009). The opinions of education faculty students on learning process involving e-portfolios. *Procedia Social and Behavioral Sciences*, 1, 395-400.
- Barret, H. C. (2005). *White paper: Researching electronic portfolios and learner engagement*. Retrieved July 17, 2015, from <http://electronicportfolios.org/reflect/whitepaper.pdf>
- Barrett, H. C. (2011). *Balancing the two faces of E-portfolios*. Retrieved July 10, 2015, from <http://electronicportfolios.org/balance/balancingarticle2.pdf>

- Barrett, H. C. (2011). *Creating an interactive portfolio with Googlesites*. Retrieved July 30, 2015, from <https://sites.google.com/site/eportfolioapps/online-tutorials-sites/sites-how-to>
- Benson, P. (2006). Autonomy in language teaching and learning. *Language Teaching*, 40(1), 21-40. doi:10.1017/S0261444806003958
- Brown, H. D. (2004). *Language assessment: Principles and classroom practices*. New York, NY: Longman.
- Cakir, A. & Balcikanli, C. (2012). The use of the EPOSTL to foster teacher autonomy: ELT student teacher's and teacher trainers' view. *Australian Journal of Teacher Education*, 37(3). Retrieved July 7, 2015, from <http://ro.ecu.edu.au/ajte/vol37/iss3/2>
- Cavana, P., & Lusia, M. (2012). Autonomy and self-assessment of individual learning styles using the European Language Portfolio (ELP). *Language learning in higher education. Journal of European Confederation of Language Centers in higher education (CercleS)*, 1(1), 211-228. doi:10.1515/cercles-2011-0015
- Dickinson, L. (1987). *Self-instruction in language learning*. Cambridge, UK: Cambridge University Press.
- Greenberg, G. (2004). The digital convergence: Extending the portfolio model. *EDUCAUSE Review*, 39(4), 28-36.
- Hakki, M. I., & Hergüner, S. (2015). A digital European self-assessment tool for student teachers of foreign languages: THE EPOSTL. *The Turkish Online Journal of Educational Technology*, 14(1), 1-10.
- Holec, H. (1981). *Autonomy and foreign language learning*. Oxford, UK: Pergamon Press.
- Hung, S.-T. A. (2012). A washback study on e-portfolio assessment in an English as a Foreign Language teacher preparation program. *Computer Assisted Language Learning*, 25(1), 21-36.
- Kabilan, M. K., & Khan, M. A. (2012). Assessing pre-service English language teachers' learning using e-portfolios: Benefits, challenges and competencies gained. *Computers & Education*, 58, 1007-1020.
- Kocoglu, Z. (2008). Turkish EFL student teachers' perceptions on the role of electronic portfolios in their professional development. *The Turkish Online Journal of Educational Technology*, 7(3), 1-9.
- Little, D. (1991). *Learner autonomy 1: Definitions, issues and problems*. Dublin, Ireland: Authentik.
- Lorenzo, G., & Ittelson, J. (2005). *An overview of e-portfolios*. Retrieved July 10, 2015, from <https://net.educause.edu/ir/library/pdf/ELI3001.pdf>
- Macaskill, A., & Taylor, E. (2010). The development of a brief measure of Learner autonomy in university students. *Studies in Higher Education*, 35(3), 315-359.

- Moore, I. (2008). *What is learner autonomy?* Retrieved April 27, 2014, from <http://extra.shu.ac.uk/cpla/whatislearnerautonomy.html>
- Nakayama, K. (2004). *A case study of developing autonomy in a portfolio-oriented English class at a Japanese high school*. Retrieved February 5, 2015, from www.paaljapan.org/resources/proceedings/PAAL8/pdf/pdf026.pdf.
- Paulson, F. L., Paulson, P. R., & Meyer, C. A. (1991). What makes a portfolio a portfolio? *Educational Leadership*, 48(5), 60-63.
- Peréz, C., & Luisa, M. (2012). Autonomy and self-assessment of individual learning styles using the European Language Portfolio (ELP). *Language Learning in higher education. Journal of the European Confederation of Language Centres in Higher Education (CercleS)*, 1(1), 211-228.
- Reinders, H., & Balcikanli, C. (2011). Learning to foster autonomy: The roles of teacher education materials. *Studies in Self-Access Learning Journal*, 2(1), 15-25.
- Richards, J. C., & Renandya, W. C. (2002). *Methodology in language teaching: An anthology of current practice*. New York, NY: Cambridge University Press.
- Smolyaninova, O. (2010). *E-Portfolio for teacher assessment and self-evaluation*. Retrieved April 15, 2015, from www.icl-conference.org/dl/proceedings/2010/.../Contribution186.pdf.
- Spratt, M., Pulverness, A., & Williams, M. (2011). *The TKT Course: Modules 1, 2 and 3* (2nd ed.). Cambridge, England: Cambridge University Press.
- Thornbury, S. (2006). *An A-Z of ELT: A dictionary of terms and concepts used in English Language Teaching*. Bangkok, Thailand: Macmillan Education.
- Tran, A. H., Nguyen, H. T., Nguyen, H. M., Vu, V. T. T., & Vu, V. T. (2009). *Phương pháp đánh giá bằng tập bài viết: Một cách nâng cao chất lượng dạy và học môn viết [Assessment method by writing exercises: A way to improve the quality of writing teaching and learning]*. (Unpublished master's thesis). Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa Anh-Mỹ, trường Đại học Ngoại ngữ-ĐH Quốc gia Hà Nội, Vietnam.
- Tran, D. T. M. (2013). *Hồ sơ điện tử (E-portfolios) và việc thúc đẩy quá trình học tập của sinh viên [Electronic profiling (E-portfolios) and accelerating student learning]*. Retrieved June 14, 2015, from www.vvob.be/vietnam/files/t_15_tranthimaidao.pdf
- Tran, H. T. (2011). *Ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy ngoại ngữ: Hồ sơ khoa học dưới dạng điện tử của sinh viên [Application of information technology in foreign language teaching: a student's electronic format]*. Retrieved June 13, 2015, from www.luanvan.com
- Tran, T. N. M. (2011). *Đánh giá việc học tập của người học trong e-Learning [Evaluate learners' learning in e-Learning]*. Retrieved June 14, 2015, from www.vvob.be/vietnam/.../vvob_tran_nu_mai_thy_it_and_assessment.pdf

- William, L. (1997). Self-assess: Why do we want it and what can it do? In Benson & Voller (Eds.), *Autonomy and independence in language learning* (pp. 79-91). London, UK: Longman.
- Wuetherick, B., & Dickinson, J. (2015). Why ePortfolio? Student perceptions of eportfolio use in continuing education learning environments. *International Journal of ePortfolio*, 5(1) 39-53.
- Yastibas, A. E., & Cepik, S. (2015). Teachers' attitudes toward the use of e-portfolios in speaking classes in English language teaching and learning. *Procedia - Social and Behavioral Sciences*, 176(2015), 514-525.
- Yildirim, N. (2013). The portfolio effects: Enhancing Turkish ELT student - teachers' autonomy. *Australian Journal of Teacher Education*, 38(8), 93-110.
- Young, J. R. (2002). *Creating online portfolios can help students see 'big picture,' colleges say. Chronicle of Higher Education*. Retrieved June 20, 2015, from <http://www1.udel.edu/present/aaron/digitalstory/Readings/Online%20Portfolios.pdf>.